

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2022/DS-PT

Ngày 29-7-2022

“V/v: Tranh chấp chia di sản thừa
kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào, ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Nga - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLPT-DS, ngày 26 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX-PT ngày 07/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Đình T - Sinh ngày: 16/6/1954; Địa chỉ: Thôn 1, xã Ng, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Bộ đội phục viên (Có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Văn Đ- Sinh ngày: 27/8/1965; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H , huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Anh Hồ Quý Đ - Sinh ngày: 17/9/1992; Địa chỉ: Thôn Đ xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị T - Sinh ngày: 30/8/1950; Địa chỉ: Thôn Đ xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt);

2. Ông Hồ Quốc D - Sinh ngày: 01/12/1957; Địa chỉ: Thôn Đ xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt);

3. Ông Hồ Ngọc D - Sinh ngày: 30/8/1962; Địa chỉ: đường Nguyễn Công Tr, phường T, thành phố h, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt);

4. Bà Hồ Thị Đ - Sinh ngày: 01/01/1929; Địa chỉ: Thôn Đ xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt);

5. Anh Bùi Văn T (Con bà Hồ Thị L); Địa chỉ: Thôn Đ xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt);

6. Bà Đặng Thị X (Vợ ông Hồ Văn D) - Sinh ngày: 10/11/1943; Địa chỉ: Thôn Tr, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt);

7. Ông Hồ Duy D - Sinh năm: 1940; Địa chỉ: Thôn L, xã Nh, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt);

8. Bà Hồ Thị T - Sinh ngày: 02/10/1947; Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

9. Bà Lê Thị Nh (vợ ông Hồ Văn Đ); Địa chỉ: Thôn Đ xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tuấn; bà Đ; bà X; ông D và bà T:

Anh Hồ Ngọc M - Sinh ngày: 16/9/1970 (Con trai bà Đặng Thị X); Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Hồ Đình T trình bày: Bố ông Tiến là ông Hồ Đình Ph, sinh năm 1910, chết ngày 17/6/1981 và mẹ là bà Lương Thị Kh, sinh năm 1927, chết ngày 10/01/1995. Bố mẹ ông T có thửa đất diện tích khoảng 3.000m² và ba gian nhà ngói, ở vị trí đường Ống, năm 1974 vợ chồng ông T vào bộ đội, năm 1976 do mở rộng trường cấp 2 nên gia đình được cấp đất mới tại thửa 199, tờ bản đồ số 6, bản đồ 299, diện tích 528m², nay là thửa 67, tờ bản đồ 34, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, diện tích 562,5m², thuộc thôn Đh, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Bố mẹ ông sinh được 05 người con, gồm có: Bà Hồ Thị T; ông Hồ Đình T; ông Hồ Quốc D; ông Hồ Ngọc D và ông Hồ Văn Đ và hai người anh trai chết từ lúc tuổi đang còn nhỏ. Trước khi chết bố ông T để lại di chúc miệng giao nhà đất cho mẹ con ông T và đến khi mẹ ông T chết để lại di chúc miệng với 05 chị em, các con đều nghe rõ với nội dung: Công việc giỗ tết bên ngoại giao cho con Hồ Ngọc ; công việc giỗ

tết bên nội giao cho con Hồ Quốc D; giỗ mẹ và hai anh trai mất lúc còn nhỏ giao cho con Hồ Đình T; còn thừa đất và ngôi nhà gỗ ba gian gắn liền với đất chia đôi cho con đầu Hồ Đình T và con út Hồ Văn Đ. Nay ngôi nhà chú Đ đã tháo dỡ và chia cho ông Tiến một nửa, còn thừa đất năm 2012 anh em họp bàn chia đôi cho ông T một nửa và cho chú Đ một nửa nhưng chú Hồ Văn Đ không đồng ý, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L chia đôi thừa đất là di sản của bố mẹ để lại thành hai phần cho ông T một phần và cho chú Hồ Văn Đ một phần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Hồ Văn Đ đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải theo quy định của ông Hồ Văn Đ trình bày về họ tên, năm sinh, ngày mất của bố mẹ là đúng như lời trình bày của ông Hồ Đình T. Còn thừa đất số 199, tờ bản đồ số 6, bản đồ 299, diện tích 528m², mang tên bà Lương Thị Kh; theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 là thửa 67, tờ bản đồ số 34, diện tích 562,5m² có nguồn gốc do bố mẹ để lại, do ông Đ trực tiếp quản lý, sử dụng từ khi lấy vợ vào năm 1991 đến nay, hiện nay chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Ông Đ không nghe mẹ để lại di chúc miệng như ông Hồ Đình T trình bày, ông Đ chỉ nghe mẹ dặn là các anh chị đã có nhà đất nơi khác, nên con tôn tạo đất vườn để sử dụng. Do đó ông Đ đã bỏ rất nhiều công sức để tôn tạo thửa đất, hàng năm nộp nghĩa vụ thuế cho nhà nước, nay ông Đình không chấp nhận chia đất vườn theo yêu cầu của ông Hồ Đình T. Còn ngôi nhà lúc đó ông Đ nghe anh Hồ Quốc D nói chia cho anh Hồ Đình T một nửa thì ông Đ đã chia xong rồi.

Người có quyền lợi liên quan Hồ Thị T; Hồ Ngọc D; Hồ Quốc D trình bày: Chúng tôi là những người con của Hồ Đình Ph - Sinh năm: 1910; Chết ngày 17/6/1981 và bà Lương Thị Kh - Sinh năm: 1927; Chết ngày 10/01/1995. Trước khi chết bố mẹ có để lại tài sản là thửa đất số 199, tờ bản đồ số 6, bản đồ 299, diện tích 528m², mang trên mẹ Lương Thị Kh, nay là thửa 67, tờ bản đồ 34, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, diện tích 562,5m², thuộc thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi chết bố không để lại di chúc nhưng khi mẹ chết để lại di chúc miệng với nội dung: Công việc giỗ tết bên ngoại của mẹ giao cho con Hồ Ngọc D phải lo; công việc giỗ tết bên nội giao cho con Hồ Quốc D phải lo; giỗ mẹ và hai anh trai mất lúc còn nhỏ giao cho con Hồ Đình T phải lo; còn thừa đất và ngôi nhà gỗ ba gian chia đôi cho con đầu Hồ Đình T và con út Hồ Văn Đ. Bản thân các ông bà từ chối nhận di sản của bố mẹ để lại.

Các bà Hồ Thị Đ; Đặng Thị X và Hồ Thị T có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế. Anh Bùi Văn T và ông Hồ Duy D có văn bản ủy quyền cho anh Hồ Ngọc M, tại phiên tòa anh Hồ Ngọc M thay mặt anh Bùi Văn T và ông Hồ Duy D từ chối nhận di sản thừa kế.

Tại biên bản xác minh ngày 11/8/2021, UBND xã H cung cấp: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Đình Ph - Sinh năm: 1910; Chết ngày 17/6/1981 (tên gọi khác là Cố Đ) và bà Lương Thị Kh - Sinh năm: 1927; Chết ngày 10/01/1995 (tên gọi khác là Hồ T, Hồ là họ chồng, T là tên con gái đầu), gồm có các con chung:

Ông Hồ Đình T; ông Hồ Quốc D; ông Hồ Ngọc D và ông Hồ Văn Đ; Ngoài ra bà Lương Thị Kh trước khi lấy ông Phan có con riêng gọi theo họ chồng là bà Hồ Thị T; Ông Hồ Đình Ph có các con riêng trước khi lấy bà Kh, gồm: Bà Hồ Thị Nh và chồng đều đã chết và không có con; bà Hồ Thị Đ; bà Hồ Thị L và chồng đều đã chết, có con trai anh Bùi Văn T; ông Hồ Văn D đã chết, có vợ là bà Đặng Thị X; ông Hồ Duy D và bà Hồ Thị T. **Thửa đất đang tranh chấp thừa kế giữa ông Hồ Đình T và ông Hồ Văn Đ có nguồn gốc do HTX cấp cho gia đình ông Hồ Đình Ph (Cố Đ) và bà Lương Thị Kh (Hồ T), thời điểm đo đạc bản đồ 299 thì ông Hồ Đình Ph đã chết nên kê khai tên bà Hồ Tần (Lương Thị Kh); Theo hồ sơ 299: Sổ mục kê 299 và tờ bản đồ số 6 bản đồ 299 là thửa đất số 199, tờ bản đồ số 6, tên chủ sử dụng ruộng đất Hồ T, diện tích 528m², loại đất T (Thổ cư); theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 là thửa 67, tờ bản đồ 34, diện tích 562,5m², kê khai tên ông Hồ Văn Đ, loại đất ONT, LNK (đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm), thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trường hợp không có tranh chấp thì chủ sử dụng đất hợp pháp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**

Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2021, UBND phòng Tài Nguyên - Môi trường huyện L cung cấp: Theo hồ sơ 299: Sổ mục kê 299 và tờ bản đồ số 6 bản đồ 299, thửa đất đang tranh chấp là thửa đất số 199, tờ bản đồ số 6, tên chủ sử dụng ruộng đất Hồ T, diện tích 528m², loại đất T (Thổ cư); theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 là thửa 67, tờ bản đồ 34, diện tích 562,5m², kê khai tên ông Hồ Văn Đ, loại đất ONT, LNK (đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm), thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trường hợp không có tranh chấp thì chủ sử dụng đất hợp pháp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của TAND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Áp dụng các Điều 233; 690 BLDS 1995; khoản 5 Điều 221; Điều 234; 611; 612; 613; khoản 2 Điều 616; điểm d khoản 2 Điều 617; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 618; Điều 620; 623; 649; 650; 651; 652; 660 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 167; điểm d khoản 1 Điều 169; điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH và danh mục mức án phí, lệ phí toà án ban hành kèm theo, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Đình T.

Tạm giao quyền sử dụng cho ông Hồ Đình T: 102 m² đất ở.

Vị trí: Phía Đông - Nam thửa số 67, tờ bản đồ số 34, bản đồ địa chính chính đo đạc năm 2012, thuộc địa phận thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Giáp giới:

- Đông: Giáp đường quy hoạch, dài: 17 m;
- Tây: Giáp phần đất ông Hồ Văn Đ, dài: 17 m;

- Nam: Giáp đường quy hoạch, rộng: 6 m;
- Bắc: Giáp phần đất ông Hồ Văn Đ, rộng: 6 m.

Tạm giao quyền sử dụng cho ông Hồ Văn Đ: 460,5 m² đất, trong đó đất ở 198m², đất trồng cây lâu năm 262,5 m².

Vị trí: Phía Tây - Bắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 34, bản đồ địa chính chính đo đạc năm 2012. thuộc địa phận thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh H. Giáp giới:

- Đông: Giáp phần đất T và đường quy hoạch;
- Tây: Giáp thửa 296;
- Nam: Giáp thửa 297, đường ngõ và phần đất ông T;
- Bắc: Giáp thửa 57.

(Có sơ đồ kèm theo).

Ông Hồ Đình T và ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Hồ Văn Đ đưa lại cho ông Hồ Đình T số tiền trị giá đất ở và đất trồng cây lâu năm còn thiếu, sau khi khấu trừ chi phí bảo quản, làm tăng giá trị của tài sản là 14.302.000đ (Mười bốn triệu ba trăm linh hai nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/10/2021, ông Hồ Đình T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Ngày 14/11/2021, ông Hồ Quý Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Hồ Đình T và hủy bản án sơ thẩm số 06/2021/DSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Đình T. Hủy Bản án sơ thẩm số 06/2021/DS-ST 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Đình T hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Hồ Quý Đ quá hạn theo luật định, nhưng ông Đ không đưa ra được căn cứ chứng minh lý do chính đáng của việc kháng cáo quá hạn. Vì vậy, tại phiên họp xét kháng cáo quá hạn ngày 05/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Hồ Quý Đ. Vì vậy, nội dung kháng cáo của ông Hồ Quý Đ không được xem xét.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Hồ Đình Ph (cụ Ph mất năm 1981 nên thời điểm tính thời hiệu thừa kế của cụ Phạn được tính kể từ ngày 10/9/1990) và cụ Lương Thị Kh theo quy định tại Điều 623 BLDS 2015.

[2] Xét về quá trình thu thập chứng cứ, chứng minh tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.1] Về trình tự thủ tục chứng minh và chứng cứ:

[2.1.1] Về thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp: Trong vụ án này, việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là thủ tục cần thiết để có căn cứ phân chia khối di sản thừa kế, cũng như tính toán giá trị chênh lệch tài sản và án phí dân sự có giá ngạch của các bên đương sự trên cơ sở khối tài sản được phân chia. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có tổ chức một buổi xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp nhưng không thể tiến hành được do phía bị đơn không hợp tác. Song, theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ phản ánh, sau đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không có thủ tục vận động, giải thích cũng như áp dụng các biện pháp nghiệp vụ như đề nghị UBND cấp xã, công an xã nơi có đối tượng được xem xét, thẩm định tại chỗ hỗ trợ trong trường hợp có hành vi cản trở việc xem xét thẩm định theo quy định tại Điều 101 BLTTDS để tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp đúng quy định. Mặt khác, tại biên bản định giá tài sản lập ngày 07/9/2021 phản ánh, hội đồng định giá tài sản đã tự đưa ra đơn giá mà không có căn cứ để áp giá đối với tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 2 Nguyên tắc định giá - Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 hướng dẫn thi hành Điều 92 BLTTDS sửa đổi 2011 về định giá, thẩm định giá tài sản và Điều 104 BLTTDS 2015. Hơn nữa, tại Biên bản định giá này cũng không có chữ ký của đương sự nào.

Mặc dù không thể tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tại bản án số 06/2021/DSST, ngày 30/9/2021 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Đình T.

Tạm giao quyền sử dụng cho ông Hồ Đình T: 102 m² đất ở.

Vị trí: Phía Đông - Nam thửa số 67, tờ bản đồ số 34, bản đồ địa chính chính

đo đạc năm 2012, thuộc địa phận thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Giáp giới:

- Đông: Giáp đường quy hoạch, dài: 17 m;
- Tây: Giáp phần đất ông Hồ Văn Đ, dài: 17 m;
- Nam: Giáp đường quy hoạch, rộng: 6 m;
- Bắc: Giáp phần đất ông Hồ Văn Đ, rộng: 6 m.

Ngày 06/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã khắc phục phần vi phạm này của cấp sơ thẩm, tiến hành xem xét thẩm định và định giá toàn bộ diện tích thửa đất cũng như các tài sản trên đất. Theo đó, trên cơ sở sơ đồ hiện trạng được đo vẽ kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thì phần diện tích đất cấp sơ thẩm tạm giao cho ông Hồ Đình T có một phần chồng lấn với phần sân lát đá ceramic và mái che lợp tôn gắn liền với nhà ở của vợ chồng ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Nh xây dựng trước đó. Nhưng cấp sơ thẩm không có căn cứ để xác định giá trị chênh lệch tài sản cũng như xác định mức độ ảnh hưởng đến các công trình kiên cố của bị đơn đã xây dựng là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Như vậy, việc thu thập chứng cứ và chứng minh của cấp sơ thẩm không theo quy định tại Chương VII BLTTDS 2015.

[2.1.1] Về thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử

Quá trình giải quyết vụ án, do phía bị đơn không hợp tác nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không thể mở phiên hòa giải theo quy định. Tại hồ sơ phản ánh, Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản vụ án không tiến hành hòa giải được. Song theo quy định tại khoản 2 Điều 208 BLTTDS quy định “Trường hợp vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Bộ luật này thì Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.” Tuy nhiên, theo các tài liệu có tại hồ sơ phản ánh, cấp sơ thẩm chỉ ra Thông báo phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai mà không có thủ tục về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần một. Và cũng không có một biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ nào là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 208 làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.1.2] Về xác định hàng thừa kế và xác định người tham gia tố tụng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị của cụ Ph ở thời điểm hiện tại gồm có: Bà Hồ Thị Đ; anh Bùi Văn T; bà Đặng Thị X; ông Hồ Duy D và bà Hồ Thị T; bà Hồ Thị T; ông Hồ Đình T; ông Hồ Quốc D; ông Hồ Ngọc D và ông Hồ Văn Đ. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Kh ở thời điểm hiện tại gồm có: Bà Hồ Thị T; ông Hồ Đình T; ông Hồ Quốc D; ông Hồ Ngọc D và ông Hồ Văn Đ. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Hồ Thị Đ; anh Bùi Văn T; bà Đặng Thị X; ông Hồ Duy D; bà Hồ Thị T; bà Hồ Thị T; ông Hồ Quốc D và ông Hồ Ngọc D đều từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Phạn

cụ Kh để lại. Do đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan cụ Kh được phân chia di sản thừa kế theo pháp luật gồm có ông Hồ Đình T và ông Hồ Văn Đ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của cụ Phan cụ Kh trên cơ sở biên bản xác minh lập ngày 11/8/2021 tại UBND xã H mà không tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ chứng minh quan hệ thân nhân, quan hệ vợ chồng của cụ Ph, cụ Kh là chưa đầy đủ và khách quan.

Tại Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ do Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh lập ngày 07/7/2022 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Hồ Đình T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Hồ Quốc D, ông Hồ Ngọc M trình bày: Cụ Ph ngoài cụ L còn có một người vợ nữa là cụ Cù Thị M mất năm 1980. Cụ Ph và cụ M có 06 người con gồm: Bà Hồ Thị Nh mất khi nhỏ; bà Hồ Thị Đ; bà Hồ Thị L mất năm 2016 (bà L có 06 người con: Bùi Thị T, Bùi Văn T, Bùi Thị L, Bùi D, Bùi Thị Ph, Bùi Th); Ông Hồ Xuân D mất năm 1996 (Ông D có vợ là bà Đặng Thị X và 05 người con gồm: Hồ Thị Ng, Hồ Thị H, Hồ Thị V, Hồ Ngọc M, Hồ Văn N); ông Hồ Duy D; bà Hồ Thị T. Trong đó, bà Hồ Thị Đ, anh Bùi Văn T, anh Hồ Ngọc M, ông Hồ Duy D, bà Hồ Thị T đã được đưa vào tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm; Còn lại những người sau các con của bà L gồm: Chị Bùi Thị T, chị Bùi Thị L, anh Bùi D, chị Bùi Thị Ph, chị Bùi Th và chồng bà L là các đồng thừa kế cùng hàng với anh Bùi Văn T cùng được hưởng một kỷ phần thừa kế của cụ Ph; Tương tự, các con của ông D gồm chị Hồ Thị Ng, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị V, anh Hồ Văn N chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà Lê Thị Nh là vợ ông Hồ Văn Đ- bị đơn trong vụ án đã có đơn đề nghị với nội dung: Bà Nh cùng chồng là ông Đình và các con đã sinh sống trên đất hơn 30 năm. Nhưng quá trình hòa giải cho đến lúc kết thúc xét xử sơ thẩm, bản thân bà không được Tòa án cấp sơ thẩm gửi giấy mời tham gia cũng như không nhắc đến quyền và lợi ích của bà. Bà cho rằng điều này là chưa đúng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Ngày 01/7/2022, bà mới nhận được giấy báo làm việc của Tòa án cấp phúc thẩm. Vì vậy, bà từ chối tham gia hòa giải tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà T và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà T hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 06 tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù, việc thu thập chứng cứ và chứng minh vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng và chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định tại chương VII của Bộ luật TTDS 2015. Tại cấp phúc thẩm đã khắc phục được một phần. Nhưng, việc đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong diện thừa kế cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên quan đến phần tài sản là các công trình nhà ở đã xây dựng trên phần đất tranh chấp như đã nêu ở trên của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng điều

310 BLTTDS tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2021/DSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Đình T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Đình T, tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2021/DSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí DSPT: Căn cứ khoản 3 Điều 148 BLTTDS; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Hồ Đình T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);
- TAND huyện Lộc Hà;
- VKS, THA sơ thẩm;
- Luật sư;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Thông Trần Thị Thu Hiền

Nguyễn Hà Ngân

